|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2019/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 7 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG; THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ; DỰ TRỮ QUỐC GIA; KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 102/2021/NĐ-CP NGÀY 16/11/2021 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Công văn số /BTC-QLCS ngày / /2025 của Bộ Tài chính)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2019/NĐ-CP (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 102/2021/NĐ-CP)** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| **I** | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG** | | |
| **1** | **Điều 4.** **Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả**  3. Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công:  Tùy theo hành vi, tính chất, mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như:  a) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản;  b) Buộc nộp lại số tiền do thực hiện hành vi vi phạm hành chính gây ra;  c) Buộc hoàn trả lại tài sản, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả bằng tiền hoặc trả bằng tài sản khác có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;  d) Buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;  đ) Buộc hủy các báo cáo kê khai bị khai man, giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định trong việc đăng nhập, sử dụng số liệu về tài sản công;  e) Buộc điều chỉnh, bổ sung số liệu, thông tin, báo cáo kê khai bổ sung về tài sản công. | **Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả**  3. Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công:  Tùy theo hành vi, tính chất, mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như:  a) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị của tài sản.  Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì giá trị của tài sản được xác định tại thời điểm tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì giá trị của tài sản được xác định tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm.  Trường hợp tài sản được theo dõi, ghi sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán thì tổ chức, cá nhân vi phạm nộp lại số tiền tương ứng với giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán.  Trường hợp tài sản không được theo dõi, ghi sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hoặc giá trị còn lại của tài sản được theo dõi, ghi sổ kế toán bằng không nhưng thực tế tài sản vẫn còn giá trị sử dụng thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị của tài sản để tổ chức, cá nhân vi phạm nộp lại số tiền tương ứng với giá trị của tài sản đó. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.  Tùy theo tính chất, đặc điểm, thực trạng của tài sản cần xác định giá, Hội đồng xác định giá trị tài sản thực hiện khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần xác định giá bằng ít nhất một trong các hình thức sau: Khảo sát giá thị trường theo giá bán buôn, giá bán lẻ của tài sản cùng loại hoặc tài sản tương tự; nghiên cứu giá tài sản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định đã được áp dụng tại địa phương; tham khảo giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp, giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá, các nguồn thông tin khác về giá trị của tài sản cần định giá.  Thành phần của Hội đồng xác định giá trị tài sản gồm có người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản là Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền làm chủ tịch, các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên (nếu cần).  Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xác định giá trị tài sản như sau:  Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để xác định giá trị tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để xác định giá trị tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản (nếu có).  Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản xác định giá trị tài sản.  Hội đồng phải lập Biên bản về việc xác định giá trị tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình xác định giá trị tài sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ xác định giá trị tài sản.  Nội dung chính của Biên bản xác định giá trị tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp xác định giá trị tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc xác định giá trị tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên xác định giá trị tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc xác định giá trị tài sản; chữ ký của Chủ tịch Hội đồng các thành viên của Hội đồng.  Hội đồng xác định giá trị tài sản chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính, số tiền do thực hiện hành vi vi phạm hành chính gây ra.  Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính:  Việc xác định số lợi bất hợp pháp do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện và ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Số lợi bất hợp pháp được xác định như sau: Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì số lợi bất hợp pháp được xác định **t**ừ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm.  Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được theo từng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo từng lần.  c) Buộc hoàn trả lại tài sản, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả bằng tiền hoặc trả bằng tài sản khác có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã bị mất, bị huỷ hoại.  Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm lựa chọn trả bằng tiền trong trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản thì số tiền phải nộp tương ứng với giá trị của tài sản. Việc xác định giá trị của tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.  d) Buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;  đ) Buộc hủy các báo cáo kê khai bị khai man, giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định trong việc đăng nhập, sử dụng số liệu về tài sản công;  e) Buộc điều chỉnh, bổ sung số liệu, thông tin, báo cáo kê khai bổ sung về tài sản công;  g) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.Việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để nộp lại được xác định theo quy định của pháp luật về xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt. | Việc quy định “giá trị tài sản” làm căn cứ xác định mức phạt các hành vi vi phạm tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP là chưa rõ (theo nguyên giá hay giá trị còn lại hay giá trị đánh giá lại). Điều này có thể ảnh hưởng đến việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh được quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. Ngoài ra, tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP không quy định nguyên tắc, cách xác định số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính gây ra để buộc đối tượng vi phạm nộp lại theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 37 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định số lợi bất hợp pháp bao gồm tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá có được từ vi phạm hành chính). Hiện nay cũng chưa có căn cứ pháp lý để xác định số lợi bất hợp pháp do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, cần có quy định cụ thể về nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp để các chức danh có thẩm quyền xử phạt tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP làm căn cứ thực hiện xử phạt vi phạm hành chính. |
| **2** | **Điều 6. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về đầu tư, mua sắm tài sản công**  1. Phạt tiền đối với hành vi thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua dưới 100.000.000 đồng;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua từ 100.000.000 đồng trở lên;  c) Từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.  3. Phạt tiền đối với hành vi đầu tư, mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt dưới 50.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản;  c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản đầu tư, mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.  5. Việc xác định phần giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức để làm căn cứ xử phạt được quy định như sau:  a) Trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt/01 đơn vị tài sản được xác định bằng đơn giá của tài sản đó theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản;  b) Trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng giá trị của tài sản theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;  c) Trường hợp đầu tư, mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp vượt tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng chênh lệch giữa diện tích thực tế trừ đi (-) diện tích được sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức nhân với (x) đơn giá mua bình quân theo hóa đơn (hoặc theo hợp đồng mua sắm tài sản);  d) Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định này xác định giá trị vượt làm căn cứ xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm về việc xác định đó. | **Điều 6. Hành vi vi phạm hành chính đối với quy định về mua sắm tài sản công**  1. Phạt tiền đối với hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan, người có thẩm quyền quy định theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp mua sắm tài sản có giá trị vượt dưới 50.000.000 đồng;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;  c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 100.000.000 đồng trở lên.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Việc xác định phần giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức để làm căn cứ xử phạt được quy định như sau:  a) Trường hợp mua sắm tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng tài sản vượt nhân với (x) đơn giá của tài sản đó theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản;  b) Trường hợp mua sắm tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng giá trị của tài sản theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;  c) Trường hợp mua sắm tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt cả về số lượng và mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng tổng giá trị vượt quy định tại khoản a và khoản b Điều này;  d) Trường hợp mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp vượt tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng chênh lệch giữa diện tích thực tế trừ đi (-) diện tích được sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức nhân với (x) đơn giá mua bình quân theo hóa đơn (hoặc theo hợp đồng mua sắm tài sản);  e) Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định này xác định giá trị vượt làm căn cứ xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm về việc xác định đó. | Khoản 1, 2 Điều 6: Tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện thuê, mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu; thẩm quyền ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Do đó, việc quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi thuê, mua sắm khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền và hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung không còn phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; cần bãi bỏ các quy định xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm không thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.  Tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định về việc Trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt cả về số lượng và mức giá so với tiêu chuẩn, định mức. Do đó, cần bổ sung trường hợp này tại dự thảo Nghị định. |
| **3** | **Điều 8. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về giao, sử dụng tài sản công, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công**  1. Phạt tiền đối với hành vi giao tài sản công vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành (không đúng đối tượng, vượt diện tích, vượt số lượng, vượt mức giá) theo các mức phạt sau:  …  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.  5. Việc xác định giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức được quy định như sau:  a) Trường hợp giao, sử dụng tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng tài sản vượt nhân với (x) nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi nguyên giá tài sản thì lấy theo giá trị mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, công năng sử dụng tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra vi phạm;  b) Trường hợp giao, sử dụng tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng vượt nhân với (x) (chênh lệch giữa nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định);  c) Trường hợp tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Giá trị vượt được xác định bằng chênh lệch giữa diện tích thực tế trừ đi (-) diện tích được sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức nhân với (x) đơn giá bình quân theo sổ kế toán; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi thì đơn giá tính theo suất đầu tư của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ Xây dựng ban hành áp dụng tại thời điểm hành vi vi phạm xảy ra;  d) Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định này xác định giá trị vượt làm căn cứ xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm về việc xác định đó. | **Điều 8. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về giao, sử dụng tài sản công, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công**  1. Phạt tiền đối với hành vi giao tài sản công không đúng đối tượng hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không có nhu cầu sử dụng hoặc giao tài sản công vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành (vượt diện tích, vượt số lượng, vượt mức giá) theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp giao tài sản công có giá trị vượt dưới 50.000.000 đồng;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp giao tài sản công có giá trị vượt từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;  c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp giao tài sản công có giá trị vượt từ 100.000.000 đồng trở lên.4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  b) Buộc khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã bị mất, bị hủy hoại đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.  5. Việc xác định giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức được quy định như sau:  a) Trường hợp giao tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng tài sản vượt nhân với (x) nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán; trường hợp tài sản không được theo dõi trên sổ kế toán thì giá trị vượt được xác định bằng số lượng tài sản vượt nhân với (x) giá trị đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm.  b) Trường hợp giao tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp tài sản không được theo dõi trên sổ kế toán thì giá trị vượt được xác định bằng giá trị đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.  c) Trường hợp giao tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt cả về số lượng và mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng tổng giá trị vượt quy định tại khoản a và khoản b Điều này.  d) Trường hợp tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Giá trị vượt được xác định bằng chênh lệch giữa diện tích thực tế trừ đi (-) diện tích được sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức nhân với (x) đơn giá bình quân theo sổ kế toán; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi thì đơn giá tính theo suất đầu tư của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ Xây dựng ban hành áp dụng tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm.  e) Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định này xác định giá trị vượt làm căn cứ xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm về việc xác định đó. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 đảm bảo thống nhất với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: Chia hành vi vi phạm về giao tài sản công và sử dụng tài sản công thành 02 khoản riêng biệt để đảm bảo thống nhất, mạch lạc.  Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.  Tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định về việc Trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là xe ô tô, máy móc, thiết bị, tài sản khác vượt cả về số lượng và mức giá so với tiêu chuẩn, định mức. Do đó, cần bổ sung trường hợp này tại dự thảo Nghị định. |
| **4** | Bổ sung Điều 8a | **Điều 8a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị.**  Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vichậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận bàn giao quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định. | Tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định: *“Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản cho cơ quan nhà nước được giao tài sản để quản lý, sử dụng. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.”.* Do đó, việc bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vichậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận bàn giao là phù hợp. |
| **5** | **Điều 9. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về cho mượn tài sản công**  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc hoàn trả lại tài sản cho mượn. Trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu; | **Điều 9. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về cho mượn tài sản công**  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc hoàn trả lại tài sản cho mượn. Trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã làm mất, làm hủy hoại; | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **6** | **Điều 10. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về trao đổi, tặng cho tài sản công không đúng quy định**  1. Phạt tiền đối với hành vi trao đổi tài sản công không đúng quy định (dùng tài sản công của tổ chức để đổi lấy tài sản của tổ chức, cá nhân khác mà không được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép) theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp tài sản dùng để trao đổi có giá trị dưới 100.000.000 đồng;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tài sản dùng để trao đổi có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;  c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tài sản dùng để trao đổi là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tặng cho tài sản công không đúng quy định (sử dụng tài sản công để làm quà tặng vi phạm Quy chế tặng quà do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành).  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc hoàn trả tài sản hoặc trả lại bằng tiền tương ứng với giá trị tài sản đã trao đổi, tặng cho đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. | **Điều 10. Hành vi vi phạm hành chính đối với quy định về tặng cho tài sản công**  1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tặng cho tài sản công không đúng quy định (sử dụng tài sản công để làm quà tặng vi phạm quy định tặng quà do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành).  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc hoàn trả tài sản hoặc trả lại bằng tiền tương ứng với giá trị tài sản đã tặng cho đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. | Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công không quy định về các quy định trao đổi tài sản công. Do đó, cần bãi bỏ khoản 1 Điều 10 để đảm bảo thống nhất với pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành. |
| **7** | Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 Điều 11 | **Điều 11. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  c) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với số tiền thuê tài sản trong thời gian lấn chiếm. Việc xác định số tiền thuê tài sản đế làm căn cứ xử phạt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này.  d) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật. | Đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **8** | **Điều 12. Hành vi chiếm đoạt tài sản công**  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra để trả lại tổ chức; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;  b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với tiền thuê tài sản trong thời gian chiếm đoạt. Việc xác định số tiền thuê tài sản để làm căn cứ xử phạt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này. | **Điều 12. Hành vi chiếm đoạt tài sản công**  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra để trả lại tổ chức; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã làm mất, làm hủy hoại;  b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với tiền thuê tài sản trong thời gian chiếm đoạt. Việc xác định số tiền thuê tài sản để làm căn cứ xử phạt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này.  c) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật. | Đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **9** | **Điều 13. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết**  2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thành lập Hội đồng định giá, Hội đồng thẩm định giá tài sản không đúng thành phần;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lựa chọn tổ chức thẩm định giá để xác định giá trị của tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng trình tự theo quy định của pháp luật.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 1 Điều này gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;  b) Buộc phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. | **Điều 13. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết**  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thành lập Hội đồng thẩm định giá không đúng thẩm quyền khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản xác định giá trị tài sản vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 1 Điều này gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã bị mất, bị hủy hoại;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.  Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này sau khi đã trừ chi phí, hợp lý, hợp lệ (chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí định giá, thẩm định giá, đấu giá tài sản; chi phí lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết; chi phí quản lý, vận hành trong thời gian kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; chi phí hợp lý khác có liên quan) do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ của các chi phí do đơn vị mình cung cấp. | Khoản 2 Điều 13: Việc quy định thành phần Hội đồng thẩm định giá và lựa chọn tổ chức thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, dự thảo Nghị định chỉ quy định xử phạt hành chính đối với hành vi thành lập Hội đồng thẩm định giá không đúng thẩm quyền khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản xác định giá trị tài sản vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết.  Khoản 4 Điều 13: Đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **10** | Bổ sung Điều 13a | **Điều 13a. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác tài sản công theo quy định.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc hoàn trả lại tài sản do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 1 Điều này gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã bị mất, bị hủy hoại;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.  Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền do cơ quan, tổ chức, đơn vị thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã trừ chi phí hợp lý, hợp lệ (chi phí xác định giá; chi phí tổ chức đấu giá; chi phí trong lựa chọn nhà thầu; chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí hợp lý khác có liên quan) do cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm cung cấp. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ của các chi phí do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình cung cấp. | Tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định danh mục TSC được khai thác; nguyên tắc khai thác TSC; hình thức khai thác TSC; thẩm quyền khai thác TSC; trình tự, thủ tục khai thác TSC. Ngoài ra, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định xử phạt hành chính đối với hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác. Do đó, cần bổ sung quy định về việc phạt tiền đối với hành vi nêu trên và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để thống nhất với quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. |
| **11** | **Điều 14. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật**  1. Tổ chức đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật nhưng không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản dẫn đến tài sản bị hư hỏng thì bị xử phạt theo các mức phạt sau:  a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng;  b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;  c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên và tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.  2. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị hư hỏng được quy định như sau:  a) Đối với tài sản bị hư hỏng không thể khắc phục được, số tiền phải nộp lại được xác định tương ứng với giá mua mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn, công năng sử dụng tương đương trên thị trường nhân với tỷ lệ chất lượng còn lại tại thời điểm xác định giá trị;  b) Đối với tài sản bị hư hỏng có thể khắc phục được, số tiền phải nộp lại là chi phí để sửa chữa tài sản đó;  c) Người đứng đầu tổ chức giao cơ quan tài chính thuộc phạm vi quản lý làm đầu mối xác định số tiền phải nộp; trên cơ sở đó người đứng đầu tổ chức quyết định số tiền phải nộp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. | **Điều 14. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật**  1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật nhưng không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thì bị xử phạt theo các mức phạt sau:  a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản;  b) Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 50.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản;  c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản trở lên và tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị của tài sản không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Việc xác định số tiền nộp lại tương ứng với giá trị của tài sản không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa quy định tại khoản 2 Điều này được quy định như sau:  a) Đối với tài sản bị hư hỏng không thể khắc phục được, số tiền nộp lại được xác định bằng nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán nhân với (x) tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm xác định giá trị.  b) Đối với tài sản bị hư hỏng có thể khắc phục được, số tiền nộp lại là chi phí để sửa chữa tài sản đó. | Cần quy định rõ giá trị của 01 đơn vị tài sản để làm căn cứ xác định mức phạt tiền khi vi phạm về quy định không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản. Ngoài ta, tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP cũng chưa quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này. |
| **12** | **Điều 15. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản công**  5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;  b) Buộc phải nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.  6. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng quy định tại điểm b khoản 5 Điều này được quy định như sau:  a) Đối với tài sản bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được, số tiền phải nộp lại được xác định tương ứng với giá mua mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn, công năng sử dụng tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm.  Giá trên thị trường có thể căn cứ báo giá của các nhà cung cấp trên thị trường đã được niêm yết, thông báo trên thị trường hoặc từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp công bố được khai thác qua mạng Internet.  b) Đối với tài sản bị hư hỏng có thể khắc phục được, số tiền phải nộp lại là chi phí để sửa chữa tài sản đó. | **Điều 15. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản công**  5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã bị mất, bị hủy hoại.  b) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị của tài sản bị thất thoát đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.  6. Việc xác định số tiền nộp lại tương ứng với giá trị của tài sản bị thất thoát quy định tại điểm b khoản 5 Điều này được quy định như sau:  Đối với tài sản bị mất không thể khắc phục được, số tiền nộp lại được xác định tương ứng với giá mua mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm. Giá trên thị trường có thể căn cứ báo giá của các nhà cung cấp trên thị trường đã được niêm yết, thông báo trên thị trường hoặc từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp công bố được khai thác qua mạng Internet. | Đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **13** | Bổ sung Điều 15a | **Điều 15a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý**  Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vichậm thi hành quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. | Tại khoản 6 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định: *“Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định này) hoặc kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 Nghị định này), cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương (theo Quyết định chuyển giao hoặc văn bản giao nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản; thực hiện hạch toán giảm tài sản, giá trị tài sản chuyển giao…”*. Do đó, việc bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi chậm thi hành quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý là phù hợp. |
| **14** | **Điều 16. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về tổ chức xử lý tài sản công**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:  a) Quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phương án xử lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.  Hành vi quá thời hạn được xác định theo thời hạn xử lý quy định tại quyết định xử lý tài sản. Trường hợp tại quyết định xử lý tài sản không quy định thời hạn cụ thể thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý gia hạn việc xử lý tài sản thì thời hạn quy định được xác định theo thời hạn sau khi đã được gia hạn.  b) Không thực hiện bàn giao tài sản có quyết định điều chuyển, thu hồi cho cơ quan tiếp nhận đúng thời hạn quy định.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Thành lập không đúng thẩm quyền Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật;  b) Thành lập không đúng thành phần Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật;  c) Lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật;  d) Thực hiện không đầy đủ thông báo công khai bán đấu giá tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (không thực hiện niêm yết về việc bán đấu giá tài sản công tại những địa điểm quy định; không thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo nhưng không đủ thời gian đối với việc bán đấu giá tài sản công theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản; nội dung niêm yết, thông báo công khai không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản).  3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thành lập Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật;  b) Không thực hiện thông báo công khai bán đấu giá tài sản công theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.  4. Phạt tiền đối với hành vi không thực hiện thẩm định giá để làm căn cứ xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức bán; không thực hiện bán đấu giá tài sản đối với những trường hợp theo quy định của pháp luật phải thực hiện bán đấu giá:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;  c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô. | **Điều 16. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về tổ chức xử lý tài sản công**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:  a) Quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phương án xử lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.  Hành vi quá thời hạn được xác định theo thời hạn xử lý quy định tại quyết định xử lý tài sản. Trường hợp tại quyết định xử lý tài sản không quy định thời hạn cụ thể thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý gia hạn việc xử lý tài sản thì thời hạn quy định được xác định theo thời hạn sau khi đã được gia hạn.  b) Không thực hiện bàn giao tài sản có quyết định điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, thu hồi cho cơ quan tiếp nhận đúng thời hạn quy định.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối hành vi thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản không đúng thẩm quyền.  3. Phạt tiền đối với hành vi không thực hiện thẩm định giá để làm căn cứ xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản công theo hình thức bán tài sản công theo phương thức bán đấu giá; không thực hiện bán đấu giá tài sản đối với những trường hợp theo quy định của pháp luật phải thực hiện bán đấu giá:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;  c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô. | Khoản 2 Điều 16: Việc quy định thành phần Hội đồng thẩm định giá và lựa chọn tổ chức thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, dự thảo Nghị định chỉ quy định xử phạt hành chính đối với hành vi thành lập Hội đồng thẩm định giá không đúng thẩm quyền trong việc tổ chức xử lý tài sản công.  Bãi bỏ khoản 3 Điều 16: Việc thành lập Hội đồng định giá và thực hiện công khai bán đấu giá tài sản công thực hiện theo pháp luật có liên quan. |
| **15** | **Điều 17. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:  a) Lập Báo cáo kê khai về tài sản để đăng nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công không đúng hồ sơ, giấy tờ pháp lý, không phù hợp với hiện trạng tài sản của đơn vị;  b) Thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới khi không có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính;  c) Nhập, duyệt dữ liệu về tài sản công không đúng so với báo cáo kê khai của tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả  đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính. | **Điều 17. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:  a) Nhập, duyệt thông tin dữ liệu về tài sản công không đúng so với báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản;  b) Nhập, duyệt thông tin dữ liệu về tài sản công không đúng thời hạn theo quy định.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả  đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.  Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với việc sử dụng, khai thác số liệu về tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công quy định tại khoản 2 Điều này. | Đảm bảo thống nhất với Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần Mềm Quản lý tài sản công. Tại Thông tư số 48/2023/TT-BTC quy định Bộ Tài chính (Cục QLCS) tạo lập, duyệt tài khoản của đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này; duyệt tài khoản của đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư này trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính; không có quy định về việc thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính khi thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới. Trường hợp Bộ Tài chính không duyệt cho phân cấp nhập dữ liệu thì các đơn vị cấp dưới không thể đăng nhập vào Phần mềm quản lý tài sản công. Do đó, việc quy định xử phạt hành chính đối với hành vi thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới khi không có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính là không khả thi, không thống nhất với quy định hiện hành trong việc quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm quản lý tài sản công. |
| **16** | **Điều 20. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng**  6. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;  b) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định này. | **Điều 20. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng** 6. Biện pháp khắc phục hậu quả:a) Buộc khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã bị mất, bị hủy hoại. b) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị của tài sản bị thất thoát. Việc xác định số tiền nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định này. | Đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **17** | **Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, bảo quản, chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  b) Chuyển giao tài sản cho các cơ quan chức năng để xử lý không đúng thời hạn quy định.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;  b) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định này. | **Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, bảo quản, chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  b) Không chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản theo quy định.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi, khôi phục) thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã bị mất, bị hủy hoại.  b) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị còn lại của tài sản bị thất thoát. Việc xác định số tiền nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định này. | Tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP không quy định thời hạn chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định về hành vi Không chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản theo quy định đảm bảo thống nhất. Ngoài ra, sửa đổi, bổ sung biện pháp khắc phục để đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **18** | **Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi:  a) Không báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;  b) Báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:  a) Không lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;  b) Lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. | **Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đề xuất phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, gửi cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản không đúng thời hạn theo quy định.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:  a) Lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng thời hạn theo quy định;  b) Báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng thời hạn theo quy định;  c) Xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân khi chưa có Quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định. | Tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; trong đó, có quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được XLSHTD. Ngoài ra, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định xử phạt hành chính đối với hành vi xử lý tài sản khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý. Do đó, cần bổ sung quy định về việc phạt tiền đối với hành vi nêu trên để thống nhất với Nghị định số 77/2025/NĐ-CP. |
| **19** | **Điều 24. Hành vi vi phạm trong khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**  2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về xác định giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thành lập Hội đồng định giá không đúng thành phần hoặc không đúng thẩm quyền;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lựa chọn tổ chức thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số tiền thu được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. | **Điều 24. Hành vi vi phạm trong khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thành lập Hội đồng xác định giá không đúng thẩm quyền khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản xác định giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.  Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này sau khi đã trừ chi phí hợp lý, hợp lệ (chi phí phục vụ việc lập, trình, thẩm định, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng quyền thu phí; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng quyền thu phí; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí hợp lý khác có liên quan) do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ của các chi phí do đơn vị mình cung cấp. | Khoản 2 Điều 24: Việc quy định thành phần Hội đồng thẩm định giá và lựa chọn tổ chức thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, dự thảo Nghị định chỉ quy định xử phạt hành chính đối với hành vi thành lập Hội đồng thẩm định giá không đúng thẩm quyền khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản xác định giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.  Khoản 4 Điều 24: Đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **20** | Bổ sung Điều 24a, 24b | **Điều 24a. Hành vi vi phạm trong việc giao tài sản kết cấu hạ tầng**  Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.  Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi:  1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.  2. Không lập hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng.  **Điều 24b. Hành vi vi phạm trong việc trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi không có Quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền đối với trường hợp phải lập Đề án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.  Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã trừ chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ của các chi phí do đơn vị mình cung cấp. | Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quy định đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chủ động lập hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên lập đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài ra, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định về xử phạt hành chính đối với hành vi giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền. Hiện nay, các Nghị định quy định về quản lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng (Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, số 12/2025/NĐ-CP,…) đều quy định cụ thể thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng tương ứng với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng. Do đó, cần bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền. |
| Tại Điều 80 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng như: (i) Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (ii) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; (iii) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (iv) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (v) Phương thức khác theo quy định của pháp luật. Hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chỉ quy định xử phạt hành chính đối với hành vi cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Do đó, cần bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi không có Quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền đối với trường hợp phải lập Đề án. |
| **21** | **Điều 25. Hành vi vi phạm trong xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  b) Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tài sản công hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật nhưng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp vẫn còn nhu cầu sử dụng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định hình thức xử lý cho phù hợp);  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc phải nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định này. | **Điều 25. Hành vi vi phạm trong xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  b) Không báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn còn sử dụng được và cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn nhu cầu sử dụng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định hình thức xử lý cho phù hợp).  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị của tài sản bị thất thoát đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này. Việc xác định giá trị của tài sản bị thất thoát thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định này. | Sửa đổi, bổ sung quy định về việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đảm bảo phù hợp, thống nhất với các Nghị định quy định về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng. |
| **22** | **Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này. | **Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này. | Tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp xã (sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp, không còn cấp huyện). Do đó, cần sửa đổi thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP thành thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp. |
| **23** | **Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  4. Chánh Thanh tra bộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này. | **Điều 30. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công**  1. Cục trưởng Cục Quản lý công sản có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  2. Giám đốc sở có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ tưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ thành lập có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  4. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  5. Thanh tra viên có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  6. Trưởng đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này. | Tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính đang quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (bổ sung Điều 37a Luật XLVPHC); trong đó bao gồm thẩm quyền của: (i) Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngangh Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực; Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ; (ii) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; (iii) Thanh tra viên, Trưởng đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra; (iv) Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thời hạn kiểm tra. Ngoài ra, tại Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 hiện nay đang quy định cơ quan thanh tra gồm: (1) Thanh tra Chính phủ; (2) Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (3) Cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Cơ yếu; (4) Cơ quan thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên. Như vậy, không còn thanh tra sở, thanh tra huyện, thanh tra tổng cục và cục,…Việc quy định lại thẩm quyền xử phạt hành chính của các chức danh: (1) Cục trưởng Cục Quản lý công sản; (2) Giám đốc sở; (3) Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ tưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ thành lập; (4) Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập; (5) Thanh tra viên; (6) Trưởng đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP là phù hợp, thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC, Luật Thanh tra 2025. |
| **24** | **Bổ sung một số từ, cụm từ**  Bổ sung từ “giao,” vào trước cụm từ “điều chuyển” tại khoản 3 Điều 20. | **Điều 20. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng**  3. Xử phạt tổ chức có hành vi bán, **giao,** điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này. | Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành với pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công. |
| **Thay thế một số từ, cụm từ**:  Thay thế cụm từ “ban đầu” bằng cụm từ “trước khi xảy ra vi phạm” tại điểm a khoản 3 Điều 11.  Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại tên khoản 1 Điều 38. | **Điều 11. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng *~~ban đầu~~* ***trước khi xảy ra vi phạm*** của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trả lại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bị lấn chiếm;  **Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân *~~cấp huyện~~* ***cấp xã*** có quyền: | Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành với pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội quy định các đơn vị hành chính.  Đảm bảo thống nhất với biện pháp khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **Bãi bỏ một số từ, cụm từ:**  Bãi bỏ từ “giao,” tại khoản 2 Điều 8.  Bãi bỏ cụm từ “trao đổi,” tại khoản 3 Điều 19.  Bãi bỏ cụm từ “hư hỏng,” tại điểm a khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 25. | **Điều 8. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về giao, sử dụng tài sản công, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công**  2. Phạt tiền đối với hành vi **~~giao,~~** sử dụng tài sản công không đúng mục đích (sử dụng tài sản công không đúng với mục đích, công năng sử dụng của tài sản được đầu tư, trang bị, mua sắm; sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp làm nhà ở hoặc sử dụng vào mục đích cá nhân; sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc đối với chức danh không có tiêu chuẩn; sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh không có tiêu chuẩn sử dụng xe mà không được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giao, sử dụng xe ô tô vào mục đích cá nhân; sử dụng máy móc, thiết bị, tài sản khác vào mục đích cá nhân) theo các mức phạt sau:  a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp **~~giao,~~** sử dụng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản (sau đây gọi chung là tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng);  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp **~~giao,~~** sử dụng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (sau đây gọi chung là tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên);  c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp **~~giao,~~** sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  **Điều 19. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về giao, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước**  3. Xử phạt tổ chức có hành vi **~~trao đổi,~~** biếu, tặng cho tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.  **Điều 20. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng**  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Để tài sản bị **~~hư hỏng,~~** thất thoát trong thời gian chờ xử lý;  **Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, bảo quản, chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Để tài sản bị **~~hư hỏng,~~** thất thoát trong thời gian chờ xử lý;  **Điều 25. Hành vi vi phạm trong xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Để **~~hư hỏng,~~** thất thoát tài sản trong thời gian chờ xử lý; | - Khoản 2 Điều 8: Để đảm bảo thống nhất, mạch lạc, tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP đã quy định về hành vi vi phạm đối với quy định về giao tài sản công. Do đó, khoản 2 Điều 8 quy định về hành vi vi phạm trong việc sử dụng tài sản công.  - Khoản 3 Điều 19: Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công không quy định về các quy định trao đổi tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.  - khoản 2 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 25: Bãi bỏ cụm từ “hư hỏng” trong quy định “Để tài sản bị **~~hư hỏng,~~** thất thoát trong thời gian chờ xử lý” vì: Trong thời gian chờ xử lý tài sản, chỉ có thể xác định được GTCL/tỷ lệ chất lượng của tài sản theo sổ kế toán. Do đó, đối với trường hợp hành vi vi phạm đã kết thúc thì rất khó để xác định được tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản kể từ khi cá nhân, tổ chức làm hư hỏng/hủy hoại tài sản trong thời gian chờ xử lý (đối với tài sản đã bị hư hỏng từ trước để chờ xử lý). |
| **24** | **Điều 7. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về đi thuê tài sản**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về đi thuê tài sản trong trường hợp hợp đồng thuê tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng đối với các hành vi:  a) Hành vi thực hiện đi thuê tài sản khi không có quyết định về thuê tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền;  c) Hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.  **Điều 18. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về trang cấp tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước**  1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.  2. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.  **Điều 25. Hành vi vi phạm trong xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Để hư hỏng, thất thoát tài sản trong thời gian chờ xử lý;  b) Kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý, dẫn đến việc quyết định xử lý tài sản không đúng quy định.  3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xử lý tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện thẩm định giá để làm căn cứ xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức bán.  **Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**  1. Chánh Thanh tra sở, các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:  a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.  2. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:  a) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.  3. Chánh Thanh tra bộ có quyền:  a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này. | Bãi bỏ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 26, Điều 39. | - Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 7: Tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện thuê, mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu; thẩm quyền ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Do đó, việc quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đầu tư, thuê, mua sắm khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền và hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung không còn phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; cần bãi bỏ các quy định xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm không thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.  - Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 7: Hiện pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác không quy định hình thức, trình tự lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản. Do đó, việc xử phạt hành vi nêu tại điểm c khoản 1 Điều 7 là không có căn cứ pháp lý, không khả thi với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.  - Bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 18: Tương tự như bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 6.  - Bãi bỏ khoản 2,3,4 Điều 25: Tại các Nghị định quy định quản lý, sử dụng tài sản KCHT (Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP…không quy định việc thành lập Hội đồng tiêu hủy tài sản, công khai bán đấu giá tài sản công (nội dung này thực hiện theo pháp luật có liên quan). Việc thành lập Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo pháp luật về giá.  - Bãi bỏ Điều 39: Nay, để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC, Luật Thanh tra 2025, Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 của TTCP, các nội dung liên quan đến lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí sẽ quy định tại một nghị định riêng. Do đó, thẩm quyền của thanh tra sẽ quy định tại nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí để đảm bảo thống nhất, mạch lạc khi xây dựng VBQPPL. Dự thảo Nghị định bãi bỏ Điều 39 để đảm bảo phù hợp với hệ thống thanh tra quy định tại Luật Thanh tra 2025 và thẩm quyền của thanh tra quy định tại Luật số 88/2025/QH15, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP. |
| **II** | **LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC** | | |
| **1** | **Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2021/NĐ-CP**  5. Thời điểm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước được xác định là đã kết thúc được quy định như sau:  a) Đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 60 Nghị định này: thời điểm kết thúc là thời điểm nộp hồ sơ, chứng từ tại Kho bạc Nhà nước;  b) Đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 61 Nghị định này: thời điểm kết thúc là thời điểm Kho bạc Nhà nước nhận được kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự về vụ việc vi phạm không có dấu hiệu tội phạm. | **Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2021/NĐ-CP**  5. Thời điểm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước được xác định là đã kết thúc được quy định như sau:  a) Đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 54, Điều 55, Điều 59 Nghị định này: thời điểm kết thúc là thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chi tới Kho bạc Nhà nước;  b) Đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại  Điều 60 Nghị định này: thời điểm kết thúc là thời điểm gửi hồ sơ đăng ký và sử dụng tài khoản tới Kho bạc Nhà nước;  c) Đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại  Điều 56, Điều 61 Nghị định này: thời điểm kết thúc là thời điểm Kho bạc Nhà nước nhận được kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự về vụ việc vi phạm không có dấu hiệu tội phạm. | - Sửa đổi cụm từ “hồ sơ, chứng từ” thành “hồ sơ đề nghị chi” để phù hợp với quy định về chi trả ngân sách nhà nước tại khoản 4 Điều 58 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 11/2020/NĐ-CP về thủ tục hành chính lĩnh vực KBNN (dự kiến trình Chính phủ ban hành trong tháng 9 năm 2025); dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 99/2021/NĐ-CP. |
|  | **Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả** | **Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả** |  |
| 6. Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước:  Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như:  a) Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ, chứng từ thanh toán cho khối lượng công việc chưa thực hiện; khối lượng công việc đang thực hiện dở dang, chưa đủ điều kiện thanh toán và phần đã thanh toán vượt giá trị hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng;  b) Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ, chứng từ sai chế độ quy định và các khoản chi sai từ việc lập hồ sơ, chứng từ sai so với nội dung trên hồ sơ, chứng từ gốc tại đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;  c) Buộc thu hồi toàn bộ các khoản đã chi từ việc sử dụng hồ sơ, chứng từ giả mạo để chi ngân sách Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;  d) Buộc phải hoàn thiện lại hồ sơ, chứng từ theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm chế độ thanh toán các khoản chi ngân sách Nhà nước;  đ) Buộc phải làm thủ tục cam kết chi trước khi đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán, chi trả ngân sách Nhà nước hoặc buộc phải làm lại thủ tục cam kết chi đối với hành vi vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi;  e) Buộc phải làm thủ tục thanh toán tạm ứng đối với hành vi vi phạm thủ tục, thời hạn tạm ứng ngân sách Nhà nước; | 6. Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước:  Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như:  a) Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi thanh toán cho khối lượng công việc chưa đủ điều kiện thanh toán.  b) Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ đề nghị chi sai chế độ quy định, các khoản chi sai điều khoản thanh toán quy định trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng;  c) Buộc thu hồi toàn bộ các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ đề nghị chi giả mạo để chi ngân sách Nhà nước và các khoản chi sai so với nội dung trên hồ sơ, chứng từ gốc tại đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;  d) Buộc phải thanh toán để thu hồi tạm ứng đối với hành vi không thu hồi tạm ứng theo quy định hoặc không thu hồi hết số tạm ứng ngân sách Nhà nước quá hạn chưa thu hồi theo quy định;  đ) Phong tỏa tài khoản hoặc đóng tài khoản đối với các hành vi vi phạm về cho thuê, cho mượn tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; phong tỏa tài khoản đối với hành vi lập hồ sơ, giấy tờ giả mạo để làm thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự | - Kết cấu lại biện pháp khắc phục hậu quả theo nhóm hành vi vi phạm (chi theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách).  - Sửa đổi cụm từ “hồ sơ, chứng từ” thành “hồ sơ đề nghị chi”.  - Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm thủ tục cam kết chi do bỏ hành vi xử phạt VPHC về cam kết chi tại Điều 58. |
| g) Buộc phải phong tỏa tài khoản hoặc đóng tài khoản đối với các hành vi vi phạm về đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; buộc phải phong tỏa tài khoản đối với hành vi lập hồ sơ, giấy tờ giả mạo để làm thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự |  |  |
|  | **Điều 54. Hành vi vi phạm quy định về khoản chi ngân sách Nhà nước phải có trong dự toán ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao** | **Điều 54. Hành vi vi phạm quy định về khoản chi ngân sách Nhà nước phải có trong dự toán ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao** |  |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi cho những nội dung, công việc không có trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;  b) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi vượt dự toán hoặc kế hoạch vốn năm được cấp có thẩm quyền giao hoặc vượt dự toán các khoản chi phí được phê duyệt (đối với các công việc không thông qua hợp đồng);  c) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi sai so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao (chi sai nguồn dự toán; chi sai mục đích, đối tượng, nội dung so với dự toán được giao); chi sai nguồn vốn đầu tư, chi sai danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi cho những nội dung, công việc không có trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;  b) Lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi vượt dự toán hoặc kế hoạch vốn năm được cấp có thẩm quyền giao hoặc vượt dự toán các khoản chi phí được phê duyệt (đối với các công việc không thông qua hợp đồng);  c) Lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi sai so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao (chi sai nguồn dự toán; chi sai mục đích, đối tượng, nội dung so với dự toán được giao); chi sai nguồn vốn đầu tư, chi sai danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Sửa đổi cụm từ “hồ sơ, chứng từ” thành “hồ sơ đề nghị chi” để phù hợp với quy định về chi trả ngân sách nhà nước tại khoản 4 Điều 58 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 11/2020/NĐ-CP về thủ tục hành chính lĩnh vực KBNN (dự kiến trình Chính phủ ban hành trong tháng 9 năm 2025); dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 99 |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi thanh toán cho khối lượng công việc chưa thực hiện;  b) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi thanh toán cho khối lượng công việc đang thực hiện dở dang, chưa đủ điều kiện thanh toán;  c) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi thanh toán vượt giá trị hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng. | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi thanh toán cho khối lượng công việc chưa đủ điều kiện thanh toán; | Sửa đổi theo hướng gom các hành vi tại điểm a, điểm b, điểm c quy định một hành vi chung nhằm tránh bị trùng lắp hành vi vi phạm và vướng mắc trong thực tế (đây là hành vi vi phạm được phát hiện khi thực hiện kiểm tra chuyên ngành). |
| 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ, chứng từ thanh toán cho khối lượng công việc chưa thực hiện; khối lượng công việc đang thực hiện dở dang, chưa đủ điều kiện thanh toán và phần đã thanh toán vượt giá trị hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều này. | 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi thanh toán cho khối lượng công việc chưa đủ điều kiện thanh toán; | Sửa đổi đảm bảo phù hợp với nội dung đã được sửa đổi tại khoản 2 điều này. |
|  | **Điều 55. Hành vi lập hồ sơ, chứng từ sai chế độ quy định và hành vi lập hồ sơ, chứng từ sai so với hồ sơ, chứng từ gốc tại đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự** | **Điều 55. Hành vi lập hồ sơ đề nghị chi sai chế độ quy định, không phù hợp điều khoản thanh toán quy định trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng** | Kết cấu lại các nhóm hành vi cùng tính chất (bổ sung các hành vi vi phạm tại Điều 57); điều chỉnh lại tên gọi các hành vi để phù hợp với thực tiễn và quy định tại dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng trước khi có kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ các công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp). | Bãi bỏ | Nội dung này không thuộc phạm vi kiểm soát của Kho bạc Nhà nước theo quy định của Luật NSNN 2025; việc kiểm tra, xử lý thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý dự án và cơ quan thanh tra chuyên ngành khác. |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi không đúng tiêu chuẩn về chức danh, đối tượng sử dụng;  b) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi vượt định mức chi về số lượng, giá trị;  c) Lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi sai chế độ (chi không đảm bảo điều kiện, nguyên tắc của chế độ chi).  Trường hợp tổ chức có hành vi mua sắm hoặc thuê tài sản Nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này. | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi không đúng tiêu chuẩn về chức danh, đối tượng sử dụng;  b) Lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi vượt định mức chi về số lượng, giá trị;  c) Lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi sai chế độ (chi không đảm bảo điều kiện, nguyên tắc của chế độ chi).  Trường hợp tổ chức có hành vi mua sắm hoặc thuê tài sản Nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này. |  |
|  | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để chi các khoản chi không phù hợp với các điều khoản thanh toán đã được quy định trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng giữa đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, bao gồm một trong các điều khoản sau đây:  a) Tên và số hiệu tài khoản;  b) Giá trị hợp đồng;  c) Thời hạn thanh toán  d) Phương thức thanh toán;  đ) Tỷ lệ thanh toán (bao gồm cả thanh toán để thu hồi tạm ứng);  e) Điều khoản thanh toán khác quy định trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng. | - Kế thừa các hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều 57, bổ sung hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều 57 (trong đó nâng mức tiền phạt tại khoản 1 Điều 57 ngang bằng mức tiền phạt tại khoản 2 Điều 57 do hành vi vi phạm cùng tính chất);  - Rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (đang trình Chính phủ) quy định về Nguyên tắc thanh toán đối với vốn đầu tư công (khoản 6 Điều 7) như sau:  “6. Vốn đầu tư công giải ngân cho từng công việc, hạng mục của nhiệm vụ, dự án không vượt giá trị dự toán tại bảng tổng hợp thông tin dự toán (đối với trường hợp tự thực hiện hoặc thực hiện không theo hợp đồng); không vượt giá trị hợp đồng tại bảng tổng hợp thông tin hợp đồng; không vượt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại bảng tổng hợp thông tin bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.  Trường hợp tại bảng tổng hợp thông tin hợp đồng có quy định về tạm ứng, nhưng chủ đầu tư không đề nghị tạm ứng mà đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành thì cơ quan thanh toán thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành theo đề nghị của chủ đầu tư”. |
| 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước sai so với các nội dung trên hồ sơ, hóa đơn, chứng từ gốc tại đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. |  | Bãi bỏ do đã được Quy định tại Điều 56 do các nhóm hành vi cùng tính chất |
| 4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ, chứng từ sai chế độ quy định và các khoản chi sai từ việc lập hồ sơ, chứng từ sai so với nội dung trên hồ sơ, chứng từ gốc tại đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. | 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi đối với các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ đề nghị chi sai chế độ quy định tại khoản 1; các khoản chi không phù hợp so với hợp đồng và phụ lục hợp đồng quy định tại điểm a, điểm b, điểm đ khoản 2 Điều này. | Kết cấu lại đề phù hợp với các hành vi vi phạm |
|  | **Điều 56. Hành vi lập hồ sơ, chứng từ giả mạo để chi ngân sách Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đã được sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 4 Nghị định 102/2021/NĐ-CP** | **Điều 56. Hành vi lập hồ sơ đề nghị chi giả mạo để chi ngân sách Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đã được sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 4 Nghị định 102/2021/NĐ-CP và hành vi lập hồ sơ đề nghị chi sai so với hồ sơ, chứng từ gốc tại đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự** |  |
| 1.[**[20]**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-17-VBHN-BTC-2022-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-su-dung-tai-san-cong-529795.aspx#_ftn20) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ, chứng từ giả mạo gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán, chi trả các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp (loại trừ các khoản chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước và nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500.000.000 trở lên). | 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ đề nghị chi giả mạo gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán, chi trả các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp (loại trừ các khoản chi thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được bố trí từ  nguồn chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500.000.000 đồng trở lên). | - Sửa đổi cụm từ “hồ sơ, chứng từ” thành “hồ sơ đề nghị chi”  - Thay đổi cụm từ: “các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước và nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên” bằng cụm từ“sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được bố trí từ  nguồn chi thường xuyên” để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật NSNN 2025:  “*Điều 40. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên*  *4. Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng*”.  - S a chữa, cải tạo,từ 500.000.000 trở lên”  - Bỏ quy định về chương trình mục tiêu để đảm bảo phù hợp với quy đuy định về chương trình mục tiêu để đảm bảo phù hợp với ông trình trong các dự án đã đầu tư xây d bãi bỏ quy định về chương trình mục tiêu tại khoản 8 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2014), |
| 2.[**[21]**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-17-VBHN-BTC-2022-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-su-dung-tai-san-cong-529795.aspx#_ftn21) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ, chứng từ giả mạo gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu hoặc chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước và nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500.000.000 đồng trở lên. | 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ đề nghị chi giả mạo gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc chi thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được bố trí từ  nguồn chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500.000.000 đồng trở lên. |  |
|  | 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước sai so với các nội dung trên hồ sơ, hóa đơn, chứng từ gốc tại đơn vị. | Kế thừa hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều 55 |
| 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi toàn bộ các khoản đã chi từ việc sử dụng hồ sơ, chứng từ giả mạo để chi ngân sách Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. | 4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi toàn bộ các khoản đã chi từ việc lập hồ sơ đề nghị chi giả mạo để chi ngân sách Nhà nước và các khoản sai so với các nội dung trên hồ sơ, hóa đơn, chứng từ gốc tại đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này. | - Sửa đổi cụm từ “hồ sơ, chứng từ” thành “hồ sơ đề nghị chi”.  - Kết cấu lại để phù hợp với hành vi vi phạm |
|  | **Điều 57. Hành vi vi phạm chế độ thanh toán các khoản chi ngân sách Nhà nước** | Bãi bỏ | Các hành vi vi phạm đã được quy định tai Điều 55 do các hành vi có cùng tính chất |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ, chứng từ đề nghị Kho bạc Nhà nước chuyển tiền thanh toán không đúng tên hoặc số hiệu tài khoản đơn vị thụ hưởng đã được ghi trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng. |  |  |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ, chứng từ đề nghị thanh toán chi ngân sách Nhà nước không phù hợp với các điều khoản thanh toán đã được quy định trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng giữa đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, bao gồm một trong các hành vi sau đây:  a) Sai về giá trị hợp đồng;  b) Sai về thời hạn thanh toán;  c) Sai về phương thức thanh toán;  d) Sai về tỷ lệ thanh toán (bao gồm cả thanh toán tạm ứng);  đ) Sai về điều khoản thanh toán khác quy định trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng. |  |  |
| 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc phải hoàn thiện lại hồ sơ, chứng từ theo đúng quy định đối với các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. |  |  |
|  | **Điều 58. Hành vi vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không gửi cam kết chi ngân sách Nhà nước đến Kho bạc Nhà nước đối với các khoản chi thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi theo quy định;  b) Gửi đề nghị cam kết chi ngân sách Nhà nước đến Kho bạc Nhà nước chậm quá thời hạn quy định đối với các khoản chi thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi theo quy định;  c) Gửi đề nghị cam kết chi vượt kế hoạch vốn đầu tư năm, số dư dự toán năm còn được phép sử dụng hoặc vượt quá giá trị của hợp đồng còn được phép cam kết chi.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc phải làm thủ tục cam kết chi trước khi đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán, chi trả ngân sách Nhà nước đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;  b) Buộc phải làm lại thủ tục cam kết chi đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. | Bãi bỏ | Luật NSNN 2025 không quy định về cam kết chi NSNN, KBNN dự kiến cắt giảm thủ tục hành chính về kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN tại Nghị định sửa đổi, bổ sung nghị định số 11/2019/NĐ-CP. |
|  | **Điều 59. Hành vi vi phạm thủ tục, thời hạn thanh toán tạm ứng ngân sách Nhà nước** | **Điều 59. Hành vi vi phạm thời hạn thanh toán để thu hồi tạm ứng ngân sách Nhà nước** | - Bỏ cụm từ “làm thủ tục” để xác định rõ hành vi vi phạm, giải quyết vướng mắc trong thực tế;  - Thay cụm từ “thanh toán tạm ứng” b từ “thanh toán tạm ứng xác định rõ hành viđể phù hợp với tính chất nghiệp vụ. |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Làm thủ tục thanh toán tạm ứng sau thời hạn cuối cùng phải thực hiện thanh toán tạm ứng đối với các khoản chi thường xuyên không có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ hoặc khoản chi không phải gửi hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ đến Kho bạc Nhà nước theo quy định;  b) Không làm thủ tục thanh toán tạm ứng đối với các khoản chi vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu hoặc chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước và nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư trên 500.000.000 đồng qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Thanh toán **để thu hồi** tạm ứng sau thời hạn cuối cùng phải thực hiện thanh toán **để thu hồi** tạm ứng đối với các khoản chi thường xuyên theo quy định..  b) Không thanh toán **để thu hồi** tạm ứng đối với các khoản chi vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc chi thực hiện shi chực hiện ầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêuu đây:nh của hợp đồng.hường xuyên ngân sách Nhà nước và nguồn phí đ có tổng mức đầu tư từ 500.000.000 đồng trở lên qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợpđồng(**được quy định cụ thể trong hợp đồng**). | - Sửa đổi lỗi kỹ thuật cụm từ “từ 500.000.000 đồng trở lên”.  - Thay đổi cụm từ: “các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước và nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên” bằng cụm từ“sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được bố trí từ  nguồn chi thường xuyên” để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật NSNN 2025:  “*Điều 40. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên*  *4. Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng*”  - Bỏ quy định về chương trình mục tiêu để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, “chương trình mục tiêu” không còn là đối tượng đầu tư công (đã bãi bỏ quy định về chương trình mục tiêu tại khoản 8 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2014),  - Bổ sung cụm từ: “(trừ các trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi phí quản lý dự án” để phù hợp với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (khoản 5 Điều 8). |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không làm thủ tục thanh toán hết tạm ứng đối với các khoản chi thường xuyên, có hợp đồng mua bán hàng hóa dịch vụ theo chế độ quy định trong lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng;  b) Không làm thủ tục thanh toán hết tạm ứng đối với các khoản chi vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu hoặc chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước và nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư trên 500.000.000 đồng khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt đến 80% giá trị hợp đồng;  c) Không làm hoặc làm thủ tục thanh toán tạm ứng đối với khoản chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sau thời hạn theo quy định phải thanh toán vốn tạm ứng. | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không thanh toán để thu hồi hết tạm ứng đối với các khoản chi thường xuyên, có hợp đồng mua bán hàng hóa dịch vụ theo chế độ quy định trong lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng;  b) Không thanh toán để thu hồi hết tạm ứng đối với các khoản chi vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc chi thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được bố trí từ  nguồn chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500.000.000 đồng trở lên khi giá trị giải ngân (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt đến 80% giá trị hợp đồng (trừ các trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi phí quản lý dự án);  c) Không thanh toán để thu hồi tạm ứng hoặc thanh toán để thu hồi tạm ứng đối với khoản chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sau thời hạn theo quy định phải thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng. |  |
| 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc phải làm thủ tục thanh toán tạm ứng đối với các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. | 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc phải thanh toán để thu hồi tạm ứng đối với các hành vi không thu hồi tạm ứng theo quy định hoặc không thu hồi hết số tạm ứng ngân sách Nhà nước quá hạn chưa thu hồi theo quy định. | Điều chỉnh lại biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng với hành vi vi phạm. |
|  | **Điều 60. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. | **Điều 60. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.  a) Cho thuê, cho mượn tài khoản;  b) Thực hiện đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản sau thời hạn chậm nhất phải thực hiện đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản theo quy định | Chi tiết các hành vi vi phạm để phù hợp với quy định chuyên ngành và thực tiễn xử phạt VPHC. |
| 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc phải phong tỏa tài khoản hoặc đóng tài khoản đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. | 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Phong tỏa tài khoản hoặc đóng tài khoản đối với các hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. | Kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 60 |
|  | **Điều 62. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước được bổ sung bởi Khoản 10 Điều 4 Nghị định 102/2021/NĐ-CP** | **Điều 62. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước được bổ sung bởi Khoản 10 Điều 4 Nghị định 102/2021/NĐ-CP** |  |
| 1. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nướcgồm: | 1. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nướcgồm: |  |
| a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát chi ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước quy định tại Điều 63, Điều 64 Nghị định này; | a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước quy định tại Điều 64 Nghị định này; | Kết cấu lại theo thẩm quyền xử phạt VPHC. |
| b) Công chức được giao nhiệm vụ kiểm soát chi ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước. | b) Công chức được giao nhiệm vụ thanh toán, chi trả ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước. |  |
| c)**[[22]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-17-VBHN-BTC-2022-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-su-dung-tai-san-cong-529795.aspx" \l "_ftn22)** Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ. | c) Công chức KBNN là trưởng đoàn, thành viên đoàn kiểm tra chuyên ngành. | - Điểm a Khoản 9 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2025:  “1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.  - Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 không còn quy định về Thanh tra Bộ, Thanh tra sở, cấp sở. Do đó, bãi bỏ các quy định liên quan đến Thanh tra Bộ, Thanh tra sở, cấp sở là phù hợp với Luật Thanh tra 2025, Luật XLVPHC.  - KBNN không còn cơ quan thanh tra theo mô hình tổ chức mới (khoản 2 Điều 12 Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 sửa đổi, bổ sung các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc bộ tài chính) |
| 2. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm ra quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 63, Điều 64 Nghị định này ra quyết định xử phạt. | 2. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm ra quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền quy định tại  Điều 64 Nghị định này ra quyết định xử phạt. |  |
|  | **Điều 63. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**  1. Chánh thanh tra Sở Tài chính, Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành Sở Tài chính, Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành Kho bạc Nhà nước do Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh thành lập và Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành Kho bạc Nhà nước do Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước thành lập có quyền:  a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này.  2. Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền:  a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tài chính có quyền:  a)[**[23]**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-17-VBHN-BTC-2022-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-su-dung-tai-san-cong-529795.aspx#_ftn23) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này. | **Bãi bỏ** | - Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 không còn quy định về Thanh tra Bộ, Thanh tra sở, cấp sở. Do đó, bãi bỏ các quy định liên quan đến Thanh tra Bộ, Thanh tra sở, cấp sở là phù hợp với Luật Thanh tra 2025, Luật XLVPHC.  - KBNN không còn cơ quan thanh tra theo mô hình tổ chức mới (khoản 2 Điều 12 Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 sửa đổi, bổ sung các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc bộ tài chính) |
|  | **Điều 64. Thẩm quyền xử phạt của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương** | **Điều 64. Thẩm quyền xử phạt của Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực** |  |
| 1. Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:  a) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này. | 1. Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực có quyền:  a) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này. | - Kế thừa mức tiền xử phạt VPHC tại Điều 64 Nghị định số 63/2029/NĐ-CP.  - Sửa đổi tên gọi các chức danh theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Xử lý VPHC số 88/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 37a:  “1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này bao gồm:  …  i) Giám đốc, Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng không; Giám đốc Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực; Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực; |
| **III** | **LĨNH VỰC DỰ TRỮ QUỐC GIA** | | |
| **1** | **Điều 51. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này. | **Điều 51. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;”  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này. | - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: Loại bỏ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.  - Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| **2** | **Điều 52. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này.  2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ra quyết định thành lập Đoàn thanh tra và Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực ra quyết định thành lập có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  4. Chánh Thanh tra bộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  **Điều 53. Thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước**  1. Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  2. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này. | **Điều 52. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước**  1. Thanh tra viên trong lĩnh vực dự trữ quốc gia đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này.  2. Trưởng đoàn thanh tra, trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  3. Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước có quyền:  a) Phạt cảnh cáo.  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.” | - Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15: Loại bỏ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với Thanh tra Bộ, Thanh tra sở, thanh tra chuyên ngành.  - Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Dự trữ Nhà nước: Loại bỏ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với chức danh Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.  - Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/8/2025 về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh: Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước, Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành:  ***“Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành; người đứng đầu đơn vị thực hiện kiểm tra chuyên ngành***  *2. Người đứng đầu đơn vị có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp*  *c) Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển thông tin đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định;”*  “***Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra chuyên ngành:***  *3. Lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính* ***”*** |
| **IV** | **ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP** | | |
|  |  | **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.  2. Điều khoản chuyển tiếp  Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, dự trữ quốc gia, kho bạc nhà nước xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định về xử phạt theo quy định tại Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho tổ chức, cá nhân vi phạm.  Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã được quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 102/2021/NĐ-CP thay đổi tên gọi nhưng không thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thì sử dụng theo tên gọi mới của chức danh có thẩm quyền đó.  Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.  3. Nghị định này bãi bỏ khoản 11 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP.  4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. | Bãi bỏ khoản 11 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP vì khoản này sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 63 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. Do đó, cần bãi bỏ khoản 11 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất do dự thảo Nghị định quy định bãi bỏ Điều 63. |